

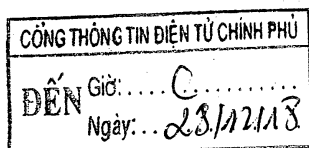
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,
bảo hiểm y tế giai đoạn 2019 - 2021**



Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2019 - 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2019 - 2021.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội (bao gồm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp), bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2019 - 2021.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

b) Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an;

c) Cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2019 - 2021

1. Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được quy định như sau:

a) Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội năm 2019 bằng 2,15%, năm 2020 bằng 2,0% và năm 2021 bằng 1,85% dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm xã hội) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội;

b) Mức chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp năm 2019 bằng 2,15%, năm 2020 bằng 2,0% và năm 2021 bằng 1,85% dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm thất nghiệp) được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

c) Mức chi phí quản lý bảo hiểm y tế năm 2019 bằng 4,6%, năm 2020 bằng 4,2% và năm 2021 bằng 3,8% dự toán thu tiền đóng bảo hiểm y tế được trích từ số tiền thu bảo hiểm y tế nhưng tối đa không vượt quá mức quy định của Luật bảo hiểm y tế;

d) Trường hợp thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong năm không đạt dự toán hoặc lớn hơn dự toán, thì mức chi phí quản lý theo tỷ lệ quy định tại điểm a và b khoản này tính trên số thực thu, thực chi. Trường hợp thực hiện thu tiền đóng bảo hiểm y tế trong năm không đạt dự toán hoặc lớn hơn dự toán, thì mức chi phí quản lý theo tỷ lệ quy định tại điểm c khoản này tính trên số thực thu.

Số thực thu, thực chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế từ nguồn ngân sách nhà nước cấp được tính trên cơ sở đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng, mức đóng, mức hỗ trợ tiền đóng theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ báo cáo quyết toán năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua, xác định mức chi phí quản lý theo số thực thu, thực chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và số thực thu tiền đóng bảo hiểm y tế, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

đ) Đối với dự toán chi phí quản lý được cấp có thẩm quyền giao trong năm, các đơn vị sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định. Phần chênh lệch lớn hơn giữa dự toán chi phí quản lý được giao và mức chi phí quản lý theo tỷ lệ tính trên số thực thu, thực chi được trừ vào dự toán chi phí quản lý năm sau.